

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công và ông Phan Hồng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP DVCC BD; trụ sở: X, đường TQD, phường PH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương NQ, sinh năm 1975 và ông Lê HN, sinh năm 1996; địa chỉ: số Y đường số Z, tổ M, khu phố DT, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 31/5/2023). Ông HN có mặt, ông NQ vắng mặt.

- Bị đơn:

+) Bà Nguyễn Thị HD, sinh năm 1994; địa chỉ: T, khu phố DT, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: V, khu phố NT, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương – người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Nguyễn A, sinh năm 1983; địa chỉ: K, khu phố BD, phường BH, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/7/2023). Có mặt.

+) Ông Nguyễn TT, sinh năm 1986; địa chỉ: P, LTK, khu phố TL, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: V, khu phố NT, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2023, bản tự khai ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Lê HN đại diện trình bày:

Từ năm 2014, Cửa hàng TL trực thuộc Công ty CP DVCC BD và ông Nguyễn TT, bà Nguyễn Thị HD có thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau. Theo đó, Cửa hàng TL bán cho ông TT, bà HD các mặt hàng bia, nước giải khát theo yêu cầu đặt hàng của ông TT, bà HD để cung cấp cho chuỗi nhà hàng NT 1, NT 3, NT 9, NT 10. Hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản, khi giao hàng thì Cửa hàng TL có hóa đơn, phiếu giao hàng và ông TT, bà HD thanh toán cho Cửa hàng TL theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Vì ông TT có nhiều nhà hàng mang tên NT nên nếu từng nhà hàng riêng lẻ mua hàng thì giá không tốt bằng một nhà hàng mua hàng với số lượng lớn nên trong quá trình mua bán các mặt hàng bia, nước giải khát thì ông TT, bà HD và Cửa hàng TL thống nhất lấy tên người mua hàng là Đại lý Bảo Ngọc để ghi phiếu giao hàng, xác nhận công nợ nhằm thuận tiện việc quản lý, giao dịch. Trên mặt pháp lý, Đại lý Bảo Ngọc chưa được ông TT, bà HD đăng ký thành lập loại hình kinh doanh, mà chỉ là một mã quản lý một đơn vị mua hàng.

Thực hiện thỏa thuận mua bán, Cửa hàng TL đã thực hiện giao hàng đầy đủ theo yêu cầu đặt hàng của ông TT, bà HD và ông TT, bà HD đã xác nhận công nợ theo các “Thư xác nhận phải thu khách hàng” cụ thể như sau:

Ngày 31/12/2015, ông TT đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 1.130.144.000 đồng.

Ngày 31/01/2017, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 1.065.000.000 đồng.

Ngày 31/01/2018, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 1.038.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2019, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 1.017.300.000 đồng.

Ngày 27/01/2020, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 997.200.000 đồng.

Ngày 08/01/2021, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 993.200.000 đồng.

Ngày 10/01/2022, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 981.200.000 đồng.

Ngày 01/01/2023, bà HD đã xác nhận số tiền còn nợ Cửa hàng TL là 955.000.000 đồng.

Sau khi ông TT xác nhận, chốt công nợ vào ngày 31/12/2015 cho đến nay, Cửa hàng TL và ông TT, bà HD đã không còn phát sinh hoạt động mua, bán gì thêm. Công ty CP DVCC BD đã nhiều lần yêu cầu ông TT, bà HD thanh toán dứt điểm công nợ nhưng tính đến ngày 09/3/2023 ông TT, bà HD mới trả được số tiền 177.144.000 đồng, còn nợ 953.000.000 đồng. Nay Công ty CP DVCC BD yêu cầu ông Nguyễn TT và bà Nguyễn Thị HD có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty CP DVCC BD tiền mua các mặt hàng bia, nước giải khát còn nợ là 953.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi ba triệu đồng), ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị HD do ông Huỳnh Nguyễn Anh Tú đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị HD là em gái của ông Nguyễn TT và là nhân viên của Đại lý Bảo Ngọc do ông TT lấy tên để nhập hàng, Đại lý Bảo Ngọc không có đăng ký kinh doanh. Ông TT mua các mặt hàng bia, nước giải khát của Chi nhánh Công ty CP DVCC BD – Cửa hàng TL diễn ra từ năm 2014, hai bên giao dịch với nhau đến năm 2015 thì dư nợ của ông TT với Cửa hàng TL là 1.130.144.000 đồng, ông TT đã ký xác nhận số nợ nêu trên vào ngày 31/12/2015. Do làm ăn thất bại nên ông TT đã bỏ đi sinh sống ở địa phương khác. Các nhân viên của Cửa hàng TL thường xuyên đến nhà để đòi khoản nợ của ông TT chưa thanh toán cho Cửa hàng TL, không gặp được ông TT nên các nhân viên của Cửa hàng TL tìm bà HD, biết bà HD là em gái của ông TT nên đã năn nỉ bà HD ký dùm giấy xác nhận nợ của ông TT với Cửa hàng TL để báo cáo Công ty với mục đích phục vụ kiểm toán. Bà HD có gọi điện cho ông TT báo là Cửa hàng TL đến đòi nợ, lúc này ông TT nói với bà HD là có tiền cho mượn một ít để trả cho nguyên đơn, khi nào về sẽ trả lại; sau đó bà HD đã cho ông TT mượn tiền để trả bớt phần nợ của Đại lý Bảo Ngọc cho Cửa hàng TL. Tính đến ngày 09/3/2023 bà HD đã thay ông TT trả cho cửa hàng Tự Lực được 177.144.000 đồng. Hàng năm các nhân viên của Tự Lực đều đến nhờ bà HD ký xác nhận dư nợ của ông TT để báo cáo công ty; do có cho ông TT mượn tiền để trả nên bà HD đã ký xác nhận công nợ với Cửa hàng TL; tính đến ngày 01/01/2023 dư nợ của ông TT với Cửa hàng TL là 955.000.000 đồng. Ngày 09/3/2023, bà HD tiếp tục cho ông TT mượn 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để thanh toán bớt số nợ của ông TT, còn lại là 953.000.000. Từ đầu tháng 04 năm 2023, chồng của bà HD biết được bà HD cho ông TT mượn tiền hàng năm để trả cho Cửa hàng TL nên đã yêu cầu bà HD không cho ông TT mượn tiền như vậy nữa.

Ngoài ra từ năm 2016, bà HD có mua hàng là nước giải khát của Cửa hàng TL, tính đến ngày 15/7/2020 bà HD đã thanh toán hết số tiền còn nợ là 754.439.000 đồng cho Cửa hàng TL; đây là việc mua bán của riêng bà HD với Cửa hàng TL và đã thanh toán đầy đủ, có chữ ký xác nhận đã trả hết tiền của nhân viên Cửa hàng TL.

Từ năm 2016 đến năm 2023, nhân viên của Cửa hàng TL đến gặp bà HD, nhờ bà HD gửi thư xác nhận nợ cho ông TT dùm. Ban đầu bà HD không đồng ý nhận thư này, tuy nhiên, nhân viên của Cửa hàng TL nài nỉ và giải thích rằng đây chỉ là thư xác nhận nợ nhờ chuyển hộ cho ông TT và có nhờ bà HD ký tên nhận dùm. Có tài liệu chứng cứ là các tin nhắn trao đổi giữa bà Nguyễn Thị Thùy Linh, ông Lê Nhật Hào với bà HD, trong các tin nhắn bà Linh và ông Hào đều nhắc nợ trên là của ông TT chỉ nhờ bà HD xác nhận dùm để báo cáo kiểm toán. Đó đó, bà HD ký giấy xác nhận công nợ với Cửa hàng TL chỉ là xác nhận nợ dùm cho ông TT chứ bà HD không liên quan đến số nợ này. Bà Nguyễn Thị HD đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP DVCC BD đối với bà Nguyễn Thị HD, bà HD không chấp nhận phải liên đới cùng với ông TT để trả tiền cho Công ty CP DVCC BD.

Bị đơn là ông Nguyễn TT có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023 có trình bày:

Ông Nguyễn TT và bà Nguyễn Thị HD là anh em ruột. Từ năm 2014 ông TT lấy tên gọi Đại lý Bảo Ngọc bắt đầu mua các mặt hàng bia, nước giải khát của nguyên đơn với hình thức trả tiền gối đầu, trả dần. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn và những năm gần đây tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nên hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền 953.000.000 đồng. Việc mua bán hàng hóa với nguyên đơn là của ông TT không có liên quan gì đến bà HD; khi công ty đòi tiền, ông TT có hỏi bà HD cho mượn tiền để trả nợ cho nguyên đơn; Do bị phá sản, không có tiền để trả nợ cho nguyên đơn nên có nhờ bà HD đứng ra ký tên xác nhận công nợ với

nguyên đơn để trả nợ dần thay cho ông TT. Ông TT được biết bà HD đã trả một phần nợ cho nguyên đơn và hiện nay còn lại số tiền 953.000.000 đồng. Bà HD có nói với ông TT “Bây giờ em trả hết rồi, không thể trả dần được nữa nên không tiếp tục trả tiền cho công ty, khi nào anh về có tiền trả thì trả”. Ông TT xác định số tiền hiện nay đang nợ nguyên đơn là của ông TT, do ông TT mua hàng và chưa thanh toán chứ không phải do bà HD mua hàng, bà HD chỉ đứng ra cho ông TT mượn tiền và trả dần cho ông TT; nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là của ông TT. Hiện nay ông TT không có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị nguyên đơn cho nợ lại, khi nào có tiền sẽ trả lại cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn ông Nguyễn TT có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông TT là đúng quy định.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn – ông Nguyễn TT thống nhất thừa nhận về việc có mua bán hàng hóa là mặt hàng bia, nước giải khát và xác nhận số tiền hiện nay ông TT còn nợ nguyên đơn là 953.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 953.000.000 đồng là có căn cứ. Bị đơn – bà Nguyễn Thị HD không thừa nhận có mua hàng của nguyên đơn; bà HD và ông TT trình bày thống nhất với nhau về việc ông TT mua hàng của nguyên đơn và có nhờ bà HD ký xác nhận công nợ và trả nợ dần ông TT được số tiền 177.144.000 đồng. Việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và ông TT không liên quan gì đến bà HD thể hiện ở việc sau khi ông TT ký xác nhận nợ ngày 31/12/2015 thì giữa ông TT và Cửa hàng TL không còn phát sinh quan hệ mua bán gì, số tiền nợ được chốt lại và giảm dần hàng năm do bà HD đã cho ông TT mượn tiền để trả. Do đó, nghĩa vụ trả nợ là của ông TT, việc bà HD ký vào giấy xác nhận công nợ không có nghĩa là bà HD phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông TT. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn TT phải trả cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ là 953.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị HD có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với ông Nguyễn TT. Đối với số tiền 177.144.000 đồng bà HD đã trả thay cho ông TT, bà HD có quyền yêu cầu ông TT trả lại bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông Nguyễn TT có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt của ông Nguyễn TT.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng chưa thanh toán là 953.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là các thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 31/12/2015; 31/01/2017; tháng 01/2018; ngày 05/01/2019; ngày 27/01/2020; ngày 28/01/2021; ngày 10/01/2022 và ngày 01/01/2023 (Tại các bút lục từ số 09 đến số 16). Quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn TT thừa nhận có mua hàng của nguyên đơn từ năm 2014 và hiện còn nợ chưa thanh toán; bà Nguyễn Thị HD thừa nhận có ký tên trên các thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 31/01/2017; tháng 01/2018; ngày 05/01/2019; ngày 27/01/2020; ngày 28/01/2021; ngày 10/01/2022 và ngày 01/01/2023. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo trình bày của nguyên đơn, ông Nguyễn TT lấy tên là Đại lý Bảo Ngọc để mua hàng hóa gồm bia và nước giải khát các loại của Cửa hàng TL thuộc Công ty CP DVCC BD. Năm 2015, để phục vụ yêu cầu kiểm toán cho báo cáo tài chính của năm, nguyên đơn có gửi thư xác nhận công nợ đối với đại lý Bảo Ngọc của ông Nguyễn TT; số nợ của ông TT tính đến ngày 31/12/2015 là 1.130.144.000 đồng, ông TT đã ký xác nhận số nợ này sau đó hai bên không còn mua bán gì thêm. Sau nhiều lần trả tiền, tính đến ngày 31/12/2022 bị đơn còn nợ 955.000.000 đồng thể hiện tại các “Thư xác nhận phải thu khách hàng” ngày 31/01/2017; tháng 01/2018; ngày 05/01/2019; ngày 27/01/2020; ngày 28/01/2021; ngày 10/01/2022 và ngày 01/01/2023, các thư xác nhận này do bà Nguyễn Thị HD ký tên. Nguyên đơn thừa nhận, sau khi bà Nguyễn Thị HD ký thư xác nhận phải thu khách hàng lần cuối ngày 01/01/2023, bà HD có trả thêm số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 09/3/2023 nên hiện nay còn nợ 953.000.000 đồng và yêu cầu ông TT và bà HD có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này. Nguyên đơn cũng thừa nhận sau khi ông TT ký xác nhận công nợ vào ngày 31/12/2015 thì giữa hai bên không còn phát sinh hoạt động mua bán nào khác; từ đó đến nay, bà HD đã trả cho nguyên đơn được tổng số tiền 177.144.000 đồng.

Ông Nguyễn TT và bà Nguyễn Thị HD và đại diện nguyên đơn trình bày thống nhất với nhau về việc ông TT mua hàng của nguyên đơn dưới tên Đại lý Bảo Ngọc. Ông TT, bà HD trình bày việc mua bán với nguyên đơn là của ông TT; bà HD chỉ là em gái và là nhân viên Đại lý Bảo Ngọc của ông TT. Do ông TT làm ăn gặp khó khăn nên có nhờ bà HD ký xác nhận công nợ và cho ông TT mượn tiền để trả cho nguyên đơn. Lời trình bày của ông TT và bà HD là có cơ sở bởi lẽ sau khi ông TT xác nhận công nợ với nguyên đơn, giữa hai bên không còn hoạt động mua bán gì thêm; ngoài ra tại “Thư xác nhận phải thu khách hàng” ngày 08/01/2021 bà HD có ghi rõ “Ký dùm thôi nha”. Sau khi được ông TT nhờ ký xác nhận công nợ và nhờ trả tiền, bà HD đã trả cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 177.144.000 đồng, do đó, số nợ của ông TT tính đến nay còn lại là 953.000.000 đồng.

Trình bày của nguyên đơn và bị đơn về số tiền hiện còn nợ là thống nhất với nhau, do đó có căn cứ xác định số tiền 953.000.000 đồng hiện nguyên đơn đang yêu cầu là khoản nợ của ông TT khi mua hàng của nguyên đơn, không phải khoản nợ của bà HD. Nguyên đơn căn cứ vào việc bà HD có ký tên trên “Thư xác nhận phải thu khách hàng” để yêu cầu bà HD có nghĩa vụ liên đới cùng ông TT phải trả nợ là không đúng với bản chất của sự việc. Việc bà HD có trả nợ thay cho ông TT được số tiền 177.144.000 đồng là thỏa thuận giữa bà HD và ông TT, bà HD có quyền yêu cầu ông TT trả lại số tiền này khi có yêu cầu và khi đó Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và sự thật khách quan của vụ án nên được chấp nhận.

Từ những nhận xét nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty CP DVCC BD, buộc ông Nguyễn TT phải trả cho Công ty CP DVCC BD số tiền 953.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty CP DVCC BD về việc buộc bà Nguyễn Thị HD phải liên đới cùng với ông Nguyễn TT trả nợ cho Công ty CP DVCC BD.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn – ông Nguyễn TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự không giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 385, 401, 430, 431, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty CP DVCC BD đối với bị đơn - ông Nguyễn TT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc ông Nguyễn TT phải trả cho Công ty CP DVCC BD số tiền 953.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty CP DVCC BD đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị HD phải liên đới cùng ông Nguyễn TT trả nợ cho Công ty CP DVCC BD.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn TT phải chịu 40.590.000 đồng (Bốn mươi triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Công ty CP DVCC BD phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 20.295.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004671 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, trả lại cho Công ty CP DVCC BD số tiền 19.995.000 đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị HD có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn TT có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Trọng Quân